

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HS-PT
Ngày: 01-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Trần Thanh N, Trần Thanh T, Hồ Văn K, Trần Văn T do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại Nguyễn Anh K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2022/HS-ST ngày 06-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thanh N**, sinh năm 1996 tại Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: không xác định; con bà: Trần Thị U, sinh năm: 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. **Trần Thanh T**, sinh năm: 1999 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: không xác định; con bà: Trần Thị U, sinh năm: 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. **Hồ Văn K**, sinh năm: 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Hồ Văn K, sinh năm: 1969 và bà Bùi Thị H, sinh năm: 1971; vợ: Phan Thị Hồng T, sinh năm: 1996; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2021 nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại

ngoại, có mặt.

4. **Trần Văn T**, sinh năm: 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn U, sinh năm: 1971 và bà Trần Thị B, sinh năm: 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo:* Nguyễn Anh K, sinh năm 1995; Nơi cư trú, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 25/11/2018, nhóm thanh niên của Trần Thanh N gồm: Trần Thanh N – sinh năm 1996, Trần Thanh T – sinh năm 1999 (em ruột N), Hồ Văn K – sinh năm 1998, Nguyễn Trọng N – sinh năm 1996, Nguyễn Nghĩa T – sinh năm 1991, Đoàn Văn S – sinh năm 1991, Bùi Thanh S – sinh năm 1997, Nguyễn Minh T – sinh năm 1998 và Trần Văn T – sinh năm 1998 tổ chức uống rượu tại quán của ông Bùi Văn C – sinh năm 1965 ở Ấp 2, xã A, huyện B. Trong lúc uống rượu, Nguyễn Anh K – sinh năm 1995 đang uống rượu ở bàn kế bên đi qua giao lưu mời rượu Đoàn Văn Sơn rồi lớn tiếng nói với những người khác trong bàn “đứa nào đụng tới 6 Queo là không qua khỏi cây cầu này” thì xảy ra mâu thuẫn cự cãi, thách thức đánh nhau giữa Khoa và nhóm của Nam; Khoa dùng tay đánh vào mặt Trần Thanh T thì bị T, Hồ Văn K, Trần Thanh N và Trần Văn T cùng xông vào dùng tay đánh K, đồng thời N lấy ly và chai bằng thủy tinh đánh rồi đâm nhiều cái vào người Nguyễn Anh K gây thương tích, K bỏ chạy ra khỏi quán thì được mọi người đưa đến bệnh viện cấp cứu điều trị.

Vật chứng thu giữ gồm: Nhiều mảnh vỡ chén gốm, mảnh vỡ của chai nước ngọt thủy tinh trong suốt có dính màu nâu, nhiều mảnh vỡ của chai rượu thủy tinh, chưa xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 29-0119/TgT ngày 08/3/2019, Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận Nguyễn Anh K bị: Vết thương lưng trái đường nách sau đã lành sẹo kích thước 09cm x 0,5cm, Xquang tràn máu màng phổi trái, hiện vết mổ dẫn lưu lành sẹo kích thước 02cm x 01cm. Vết thương hông – lưng trái dài 05cm đã lành sẹo kích thước 05cm x 0,5cm. Vết thương hố chậu trái đã lành sẹo kích thước 05cm x 01cm. Hai vết thương đầu vùng thái dương trái dài 07cm; 05cm đã lành sẹo kích thước 05cm x 0,1cm; 03cm x 0,1cm. Vết thương ngón II bàn tay phải gãy đốt gần ngón II, phẫu thuật xuyên kim giữa trục ngón tay, hiện xương lành thẳng trục, vết mổ mặt lưng ngón II dài 06cm đã lành sẹo kích thước 06cm x 0,1cm. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây ra. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 18%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 184/19/TgT ngày

19/12/2019, Phân Viện pháp y Quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh kết luận vết thương bàn tay phải của bị hại Nguyễn Anh K là do vật tày có cạnh sắc tác động trực tiếp vào vùng bàn tay phải gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 58/2022/HS-ST ngày 06/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh N, Trần Thanh T, Hồ Văn K và Trần Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2.2. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2.3. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Văn K 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2.4. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 16/12/2022, bị cáo Trần Thanh N, bị cáo Trần Thanh T, bị cáo Hồ Văn K, bị cáo Trần Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo;

Ngày 19/12/2022, bị hại Nguyễn Anh K kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Trần Thanh T, Hồ Văn K, Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm. Bị cáo Trần Thanh N bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

- Bị hại Nguyễn Anh K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Thanh N, Trần Thanh T, Hồ Văn K, Trần Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và xử phạt bị cáo Trần Thanh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Trần Thanh T 09 (chín) tháng tù, bị cáo Hồ Văn K 09 (chín) tháng tù, bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại; bị hại kháng cáo yêu cầu cho các bị cáo hưởng án treo.

Đối với bị cáo N xét hành vi bị cáo là người trực tiếp sử dụng hung khí gây thương tích cho bị hại nên không chấp nhận yêu cầu hưởng án treo của bị cáo và bị hại đối với bị cáo Nam, bị cáo Nam bồi thường xong thiệt hại nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nam.

Đối với bị cáo T, K và T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã bồi thường xong thiệt hại, xét tính chất vụ án các bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại, bị cáo K có con còn nhỏ, bị hại yêu cầu cho các bị cáo hưởng án treo nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, K, T và của bị hại cho các bị cáo T, K và T được hưởng án treo.

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, K, T và của bị hại sửa Bản án sơ thẩm:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 09 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Văn K 09 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo N yêu cầu xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; bị cáo T không nói lời sau cùng; bị cáo K yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo để lo cho gia đình; bị cáo T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo và bị hại phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Do mâu thuẫn cá nhân, nên Trần Thanh N, Trần Thanh T, Hồ Văn K và Trần Văn T đã có hành vi dùng tay, ly và chai thủy tinh là hung khí nguy hiểm đánh Nguyễn Anh K gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 18%; vụ việc xảy ra vào khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 25/11/2018 tại Ấp 2, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Các bị cáo cho rằng không rủ rê, lôi kéo để cùng thực hiện hành vi, tuy nhiên các bị cáo thực hiện hành vi là muốn bênh vực nhau nên cùng tấn công bị hại, trong đó Trần Thanh T là người có sử dụng hung khí.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Trần Thanh N, Trần Thanh T, Hồ Văn K và Trần Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo và bị hại Nguyễn Anh K, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường

một phần thiệt hại cho bị hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất vụ án, tình tiết giảm nhẹ và yêu cầu kháng cáo:

Đối với các bị cáo T, K và T không trực tiếp gây tổn hại sức khỏe của bị hại, bị hại thừa nhận có một phần lỗi, đã nhận đủ bồi thường và yêu cầu cho các bị cáo hưởng án treo, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo K có hai con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, K, T và của bị hại sửa bản án sơ thẩm cho các bị cáo T, K, T được hưởng án treo.

Đối với bị cáo N là người sử dụng hung khí nguy hiểm trực tiếp gây tổn hại sức khỏe của bị hại, thể hiện tính cách xem thường sức khỏe của người khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bồi thường xong thiệt hại cho bị hại và bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh N và của bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T, Hồ Văn K, Trần Văn T và bị hại Nguyễn Anh K, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thanh N** (Đực) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”,

nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 01/3/2023. Giao bị cáo Trần Thanh T về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.3. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hồ Văn K** (Thiện, Gà Bờ) 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 01/3/2023. Giao bị cáo Hồ Văn K về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

1.4. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 09 (chín) tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 01/3/2023. Giao bị cáo Trần Văn T về cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thanh N, Trần Thanh T, Hồ Văn K, Trần Văn T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (9b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri (2b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri(3b);
- UBND xã An Phú Trung, huyện Ba Tri(1b);
- Bị cáo (3b);
- Bị hại (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

Phạm Văn Tỉnh